

THỰC TRẠNG MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG, SỨC KHỎE BỆNH TẬT VÀ KIẾN NGHỊ BIỆN PHÁP CHĂM SÓC, BẢO VỆ SỨC KHỎE CÔNG NHÂN CÔNG TY XI MĂNG SÔNG GIANH

TRẦN VĂN ĐIỂM, NGUYỄN ĐỨC TRỌNG, TRẦN TUYẾT LÊ

TÓM TẮT

Đề tài nghiên cứu thực trạng môi trường lao động (MTLĐ), điều kiện lao động (ĐKLĐ) của công ty Xi măng Sông Gianh. Kết quả nghiên cứu cho thấy MTLĐ của công ty bị ô nhiễm nhiệt, nhiều vị trí sản xuất vượt nhiệt độ vượt TCVSCP từ 3-4,7°C, tiếng ồn vượt TCVSCP từ 4-8dBA, nồng độ bụi toàn phần vượt 0,7-19,6mg/m³. Sức khỏe công nhân chủ yếu đạt loại I (tốt) và loại II (khá), do được trẻ hóa đội ngũ, tuy nhiên các loại bệnh mắc tỷ lệ cao như tai mũi họng (31,9%), răng hàm mặt chiếm 25,9%, tim mạch (16,7%), mắt (15,9%). Qua nghiên cứu, đề tài đã có kiến nghị về giải pháp nhằm cải thiện điều

kiện lao động, chăm sóc sức khỏe công nhân công ty Xi măng Sông Gianh.

Từ khoá: môi trường lao động, điều kiện lao động.

SUMMARY

Study on status working condition in SONGGIANH cement's company. The working environment was pollution high temperature 3-7°C at many processing positions noisy level higher standards 4-8dBA, dusts concentration higher standards 0.7-19.6mg/m³. Almost workers are good's health (classes I and II). How ever,

they were suffer from deaseses with hight rate as E.N.T (25.9%), heart's deaseese (16.67%), Eye's deaseese (15.9%). From project's result's reserchers gave measures to improving working condition and looking for worker's health in cement's company.

Keywords: working condition, working environment.

MỞ ĐẦU

Hiện nay đất nước ta đang thực hiện quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trong đó yêu cầu về sự phát triển toàn diện về kinh tế-văn hóa-xã hội luôn được nhấn mạnh. Từ nay đến năm 2010, toàn ngành công nghiệp phải hoàn thành sứ mệnh đóng góp 40% cho tăng trưởng GDP. Điều này thể hiện tiềm năng to lớn của ngành cũng như là sức ép lớn đối với cơ quan chủ quản ngành phải nỗ lực đưa ra một chiến lược phát triển toàn diện. Ngành công nghiệp Việt Nam đang đứng trước những thách thức to lớn, một mặt ngành phải tăng về năng suất lao động, nhu cầu lao động ngày một tăng, nhưng thực trạng trình độ trang thiết bị công nghệ, cũng như điều kiện lao động còn nhiều bất cập, chưa đảm bảo đầy đủ yêu cầu AT-VSLĐ nên ô nhiễm MTLĐ, nguy cơ tác hại nghề nghiệp đối với người lao động tồn tại ở hầu hết ở các cơ sở sản xuất, từ các cơ sở sản xuất cho tới hầm mỏ, nông trường. Trong đó ngành sản xuất xi măng cũng là ngành kinh tế chiếm vị trí quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, cần được chú trọng về công tác AT-VSLĐ. Hiện nay nhiều nhà máy xi măng đã được xây dựng mới, tăng cường đầu tư trang thiết bị, nâng cao sản lượng, chất lượng phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Sản xuất xi măng là ngành có nhiều yếu tố độc hại, nguy hiểm như bụi, bức xạ, tiếng ồn, hơi khí độc... Công ty cổ phần xi măng Sông Gianh thuộc TCT Xi măng là một công ty cấp xi măng cho các công trình xây dựng ở Quảng Bình và các tỉnh miền Trung. Bên cạnh những thành tựu đạt được trong sản xuất kinh doanh và công tác BHLĐ thì công ty vẫn còn một số vấn đề tồn tại chưa đảm bảo về an toàn vệ sinh lao động. Nếu không có kế hoạch, biện pháp kiểm soát, xử lý kịp thời có thể dẫn tới ô nhiễm MTLĐ, ô nhiễm môi trường xung quanh, gây tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp ảnh hưởng tới sức khỏe người lao động.

Xuất phát từ những mục đích ý nghĩa trên, chúng tôi tiến hành "Nghiên cứu thực trạng ĐKLD và tình hình sức khỏe bệnh tật của nam công nhân công ty xi măng Sông Gianh" với 2 mục tiêu sau đây:

- Nghiên cứu thực trạng MTLĐ, ĐKLD của công ty xi măng Sông Gianh.

- Đánh giá tình hình sức khỏe, bệnh tật của nam công nhân và đề xuất các giải pháp chăm sóc sức khỏe nam công nhân công ty xi măng Sông Gianh.

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU:

1. Địa điểm và thời gian nghiên cứu.

Công ty xi măng Sông Gianh nằm trên huyện Tuyên Hoá - Tỉnh Quảng Bình. Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 6 đến 12/2008.

2. Đối tượng nghiên cứu.

- Điều kiện lao động và MTLĐ của công ty xi măng Sông Gianh.

- Nam công nhân có tuổi đời từ 20-45, tuổi nghề >2 năm và làm việc trực tiếp trong công ty xi măng Sông Gianh.

3. Phương pháp nghiên cứu.

Chúng tôi sử dụng các phương pháp nghiên cứu thường quy chuẩn.

- Phương pháp hồi cứu số liệu.

- Phương pháp nghiên cứu cắt ngang mô tả.

- Phương pháp điều tra phỏng vấn.

- Phương pháp thống kê, phân tích, so sánh mối liên quan giữa ĐKLD và tình hình sức khỏe bệnh tật người lao động.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU:

1. Môi trường lao động.

Khảo sát yếu tố vi khí hậu và vật lý, hoá học

Bảng 1: Vi khí hậu, ánh sáng và cường độ tiếng ồn.

Vị trí đo	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)	Ánh sáng (Lux)	Tiếng ồn (dBA)
Mỏ	28,5	52,5	0,2	400	89
Nguyên liệu	36,0	64	0,3	120	87
Lò nung	39,5	55	0,6	125	93
Nghiên xi măng	37,0	55	0,9	110	93,5
Đóng bao	33,5	69,5	0,5	115	70
TCCP	≤32	≤80	0,2-2	100-150	≤85

Nhận xét:

Hầu hết tại các phân xưởng đều có nhiệt độ vượt TCCP từ 4-7,5°C.

Tốc độ gió, độ ẩm và cường độ chiếu sáng ở các vị trí đều đảm bảo TCCP.

4/5 vị trí làm việc có cường độ tiếng ồn vượt TCCP từ 2-8,5dBA.

Bảng 2: Nồng độ bụi toàn phần và độ rung.

Vị trí đo	Bụi toàn phần (mg/m ³)	Độ rung (cm/s)
Nghiên, đập đá	27,4	2,35
Ra lò clinker	8,7	2,53
Sấy đất nguyên liệu	9,5	1,36
Nghiên đất nguyên liệu	15,8	1,84
Kho chứa nguyên liệu	16,8	-
Khu VP xưởng mỏ	-	2,35
TCCP	8	4

Nhận xét:

Nồng độ bụi toàn phần đo được ở tất cả các vị trí đều vượt TCCP từ 0,7-21,4mg/m³.

Cả 5 vị trí đo có độ rung đều nằm trong giới hạn cho phép

Bảng 3: Nồng độ hơi khí độc và bụi SiO₂ ở khu vực ống khói

Vị trí đo	NO _x mg/m ³	CO mg/m ³	SO ₂ mg/m ³	SiO ₂ %	
Ống khói chính (Lò nung số 1)	Vị trí 1	115	28	238	5.09
	Vị trí 2	152	165	298	5.09
	Vị trí 3	174	379	257	5.95
	Vị trí 4	134	347	287	5.21
	Vị trí 5	137	195	308	6.09
Ống khói nghiên than	Vị trí 1	160	216	235	5.67
	Vị trí 2	144	229	213	5.09
	Vị trí 3	154	186	224	4.63
	Vị trí 4	159	237	221	5.24
	Vị trí 5	149	210	197	5.27
TCVN 5939-1995	2500	1500	1500	100	

Nhận xét: Tại các vị trí đo ở 2 khu vực ống khói chính của lò nung 1 và ống khói nghiền than có nồng độ hơi khí độc NO_x, CO, SO₂ và bụi SiO₂ đều nằm trong giới hạn cho phép.

2. Tình hình sức khỏe, bệnh tật.

2.1. Phân loại sức khỏe:

Bảng 4: Phân loại sức khỏe theo 5 loại của Bộ Y tế.

TT	Loại I	Loại II	Loại III	Loại IV	Loại V	Tổng số
Số nam công nhân/ (tỷ lệ %)	582 (43.7%)	435 (32.7%)	265 (19.9%)	50 (3.7%)	0 (0%)	1332 (100%)

Nhận xét: Chủ yếu sức khỏe của nam công nhân có sức khỏe tốt và khá (sức khỏe loại I và II), không có sức khỏe rất yếu.

2.2. Tình hình bệnh tật:

Thống kê tình hình mắc bệnh của nam CBCNV qua khám sức khỏe định kỳ.

Bảng 5: Tình hình bệnh tật.

Loại sức khỏe	Số người mắc	Tỷ lệ (%)
Tai mũi họng (TMH)	425	31,9
Răng hàm mặt (RHM)	345	25,9
Tim mạch, huyết áp	222	16,7
Mắt	212	15,9
Tiêu hóa	120	9,0
Thận - Tiết niệu	99	7,4
Xương khớp	98	7,3
Tâm thần - thần kinh - nội tiết	59	4,4
Dị ứng - Da liễu	41	3,1
Ngoại khoa	39	2,9
Hô hấp, phổi	32	2,4
Bệnh nghề nghiệp	0	0

Nhận xét: - Tỷ lệ mắc bệnh phổ biến của Công ty xi măng Bỉm Sơn theo thứ tự bệnh TMH, RHM, Tim mạch-huyết áp, Mắt, tiêu hóa...

3. Kết quả điều tra, phỏng vấn.

Bảng 6: Đánh giá chủ quan của người lao động về ĐKLĐ-MTLĐ.

Nội dung	Nam công nhân (100 người)	
	n	%
ĐKLĐ-MTLĐ	Tốt	0
	Bình thường	29
	Xấu	71
Nhiệt độ	Nóng	78
	Không nóng	22
ánh sáng	Chói	0
	Đủ sáng	47
	Thiếu sáng	53
Tiếng ồn	Quá ồn	67
	Ồn	28
	Chấp nhận được	5

Nồng độ bụi	Quá bụi	55	55,0
	Bụi	30	30,0
	Chấp nhận được	15	15,0

Nhận xét: Có trên 70% người công nhân cho rằng ĐKLĐ-MTLĐ xấu; có tới gần 80% người lao động cho rằng nhiệt độ nơi làm việc là nóng; 55% cho rằng môi trường quá bụi; 67% cho rằng quá ồn; 53% cho rằng môi trường làm việc ở đây thiếu sáng; chỉ có 29% trả lời ĐKLĐ-MTLĐ là bình thường.

Bảng 7: Tác động ảnh hưởng của nồng độ bụi với bệnh mắt.

Nội dung	Số người mắc bệnh mắt			
	Có	Không		
Nồng độ bụi	Quá bụi	25 (25%)		
	Bụi	18 (18%)		
	Chấp nhận được	2 (2%)		
		30 (30%)	12 (12%)	13 (13%)

Nhận xét: có tới 43% người lao động trả lời bị mắc một số bệnh về mắt do làm việc ở môi trường quá bụi và bụi.

Bảng 8: Tác động ảnh hưởng của cường độ ồn đến cảm giác ù tai, đau đầu

Nội dung	Số người đau đầu, ù tai		
	Có	Không	
Cường độ ồn	Quá ồn	28 (28%)	
	Ồn	14 (14%)	
	Chấp nhận được	0 (0%)	
		0 (0%)	11 (11%)

Nhận xét: có tới 42% người lao động trả lời bị ù tai, đau đầu do làm việc ở môi trường quá ồn và ồn.

KẾT LUẬN

1. Môi trường lao động của công ty.

- Nhiệt độ có 4/5 vị trí đo vượt TCCP, trong đó có 3 vị trí ở lò nung, xưởng nguyên liệu và xưởng nghiền có nhiệt độ vượt từ 4-7,5°C.

- Tiếng ồn có 4/5 vị trí đo vượt TCCP, và vượt từ 2-8,5dB(A).

- Bụi toàn phần có 5/5 vị trí đo vượt TCCP từ 0,7-21,4mg/m³.

- Còn lại các yếu tố độ ẩm, tốc độ gió, ánh sáng, rung, nồng độ hơi khí độc đều nằm trong giới hạn cho phép.

2. Tình hình sức khỏe, bệnh tật.

- Sức khỏe của CBCNV chủ yếu ở loại I (tốt) và II (khá), không có sức khỏe rất yếu (loại V). Sức khỏe loại I chiếm 43,7%; loại II (32,7%); loại III (19,9%); loại IV (3,7%)

- Các loại bệnh phổ biến có liên quan tới các yếu tố độc hại, nguy hiểm phát sinh trong dây chuyền công nghệ sản xuất xi măng như bệnh TMH (chiếm 31,9%), RHM (25,9%), tim mạch (16,7%), Mắt (15,9%), còn phải lưu tâm tới các bệnh phổi, dị ứng, đặc biệt bệnh bụi phổi silic..., đây là nhóm bệnh có nguy cơ tăng cao nếu không lưu tâm và có các biện pháp đề phòng tốt.

KIẾN NGHỊ:

1. Tổ chức quản lý và thực hiện công tác tuyên truyền, huấn luyện:

Cần kết hợp chặt chẽ giữa sự chỉ đạo của ban giám đốc đối với các ban ngành, giữa các phòng ban với bộ

phần BHLĐ để triển khai công tác BHLĐ được thống nhất, đồng bộ.

Tổ chức các cuộc thi về BHLĐ trong công ty nhằm nâng cao nhận thức trách nhiệm, tính kỷ luật tự giác của CBCNV đối với công tác BHLĐ.

Tổ chức chiếu các thước phim và phát thanh về vấn đề BHLĐ cho CBCNV hiểu rõ và nâng cao hiểu biết về BHLĐ và tự giác phòng ngừa.

Tổ chức giao lưu với các chuyên gia trong lĩnh vực BHLĐ.

2. Các biện pháp ATVSLĐ:

Về mặt VSLĐ: Việc kiểm tra đo đạc MTLĐ nên được tổ chức thường xuyên, có thể theo quý 3 tháng/lần để kịp thời phát hiện những nơi có nguy cơ xảy ra TNLĐ và BNN để kịp thời khắc phục, kiểm soát tốt MTLĐ.

Kỹ thuật vệ sinh:

Về chiếu sáng: Công ty nên cải tạo lại hệ thống mái, cửa sổ lấy ánh sáng tự nhiên ở các phân xưởng. Tổ chức lau chùi, vệ sinh các cửa kính thường xuyên hơn.

Về thông gió: Cải tạo hệ thống thông gió tự nhiên trong các phân xưởng bằng các nơi đón gió tạo lưu thông không khí trong các khu vực sản xuất.

Kiểm tra an toàn và PCCN:

An toàn điện: Công ty cần sửa chữa thay thế những chỗ trong đường dây cung cấp điện không đảm bảo an toàn. Bố trí hệ thống đường dây theo mép tường hoặc chỗ ngăn dưới đất đảm bảo khoảng cách an toàn, tránh tiếp xúc với công nhân. Các kỹ sư phòng cơ điện cần có sự kiểm tra thường xuyên, các biện pháp cụ thể để phát hiện sự cố trong các mối nối, cách điện phòng tránh tai

nạn điện có thể xảy ra. Dụng cụ, máy móc cần sắp xếp gọn gàng.

Phương tiện bảo vệ cá nhân: Công ty cần chú trọng hơn trong việc trang bị cho người lao động căn cứ vào mức độ yêu cầu của từng nghề và công việc cụ thể như các phương tiện bảo vệ cá nhân chuyên dùng có yêu cầu kỹ thuật cao như găng tay cách điện, ủng cách điện...

Ergonomic: Nghiên cứu tâm sinh lý, sức khỏe người lao động trong quan hệ người và máy, thiết bị và môi trường để có giải pháp thích hợp tạo ra môi trường lao động an toàn, tiện nghi hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phùng Thanh Hà “ Nghiên cứu điều kiện lao động và sức khỏe, bệnh tật ở công nhân nhà máy xi măng Thái Bình và khuyến nghị giải pháp chính sách bảo vệ người lao động” Luận văn tốt nghiệp kỹ sư BHLĐ- Hà Nội 2006.

2. Nguyễn Đức Trọng, Nguyễn Văn Hoài “ Nghiên cứu sức khỏe và bệnh tật lao động nữ trong một số ngành nghề nặng nhọc, độc hại” Báo cáo tổng kết đề tài NCKH cấp nhà nước 58A01-03 - Hà Nội 1996.

3. Nguyễn Đức Trọng, Nguyễn Ngọc Nga “ Nghiên cứu mức tiêu hao năng lượng của nữ công nhân trong điều kiện lao động chuẩn ở buồng nhiệt” Đề tài NCKH cấp nhà nước - Hà Nội 1996.

4. Nguyễn Đức Trọng, Trần Đoàn Viên “Thực trạng môi trường lao động của công nhân xi măng Bim Sơn – các giải pháp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe công nhân” Tạp chí KHKT/BHLĐ - Hà Nội 2006.